

Bản án số: 06/2019/HS-ST

Ngày: 22 - 5 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Bá Việt.

2. Ông Lương Văn Nhạn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện QS, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện QS, tỉnh Thanh Hoá; Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2019/HSST ngày 04 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Vi Thị D, sinh năm 1977; Tên gọi khác: Không; Tại: TH QS, Thanh Hóa; Nơi cư trú: Bản D, xã TH, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vi Văn L (đã chết) và bà Hà Thị S; Chồng: Không; Con: Không; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Tạm giữ: Bị tạm giữ từ ngày 14/01/2019 đến ngày 20/01/2019; Tạm giam: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/01/2019 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa:

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Ngọc Khang – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Lữ Văn D1, sinh năm 1953; Trú tại: Bản D, xã TH, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

- Ông Trần Văn T, sinh năm 1972; Trú tại: Khu 5, thị trấn QS, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Chị Lương Thị H, sinh năm 1979; Trú tại: Bản T, xã LP, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

- Anh T, sinh năm 1979; Trú tại: Khu A, thị trấn QS, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Chị H, sinh năm 1988; Trú tại: Bản I, xã TH, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Chị Hà Thị C, sinh năm 1982; Trú tại: Bản B, xã TT, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Ông N, sinh năm 1964; Trú tại: Khu 2, thị trấn TX, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người chứng kiến:

- Ông Phạm Văn T, sinh năm 1962; Trú tại: Bản D, xã TH, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ tối ngày 14/01/2019; Trần Văn T, sinh năm 1970; trú tại khu A thị trấn QS, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa cùng với T sinh năm 1979; trú tại khu B thị trấn QS, huyện QS tỉnh Thanh Hóa đến quán Karaoke của gia đình bà Vi Thị D ở Bản D, xã Trung Hạ, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa để hát Karaoke. Trước khi vào phòng hát, T1 và T hỏi Vi Thị D là có nhân viên hát cùng hay không? D trả lời là “Có” rồi bảo T1 và T vào phòng hát trước nhân viên sẽ đến sau. D gọi điện cho H là người ở Bản Lang, xã Trung Hạ, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa và Lương Thị H ở Bản Tiên, xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa đến để hát cùng với T1 và T. Khi đang hát T nảy sinh ý định muốn quan hệ tình dục với Lương Thị H, T đã chủ động hỏi H là “Có đi khách không”? (Ý là quan hệ tình dục) H trả lời là “Có”, T cùng H rời khỏi phòng hát đi ra ngoài gặp Vi Thị D, T ngỏ ý với D là muốn mua dâm với Lương Thị H thì D đồng ý và bảo T đưa 250.000 đồng(Hai trăm năm mươi nghìn đồng) cho việc mua dâm một lần. T đưa cho Vi Thị D 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) gồm 01 tờ tiền có mệnh giá 200.000 đồng(Hai trăm nghìn đồng), 01 tờ tiền có mệnh giá 50.000 đồng(Năm mươi nghìn đồng), trong đó Vi Thị D được hưởng lợi từ việc cho thuê tiền phòng là 100.000 đồng(Một trăm nghìn đồng), còn 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) Lương Thị H được hưởng từ việc bán dâm. Sau khi thỏa thuận xong D chỉ cho H và T vào phòng nghỉ của nhà mình để thực hiện hành vi quan hệ tình dục. Khoảng 23 giờ 15 phút cùng ngày, trong lúc H và T đang quan hệ tình dục với nhau thì bị lực lượng Công an huyện QS bắt quả tang. Tiến hành kiểm tra các phòng nghỉ khác, lực lượng Công an còn phát hiện có 02 hai người khác là N, trú tại xóm 2, Thị trấn TX, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa và Hà Thị C ở bản B, xã TT, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa trong phòng nghỉ của nhà Vi

Thị D đang chuẩn bị quan hệ tình dục với nhau. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện QS đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ của Vi Thị D số tiền 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A37E kèm theo sim điện thoại có số thuê bao 0367926173; Thu giữ của Lương Thị H 01 điện thoại di động hiệu MASSTEL A235 màu vàng đồng, số thuê bao 0382940662; Thu giữ của Hà Thị Chánh 01 điện thoại hiệu NoKiA 1280, màu đen, có số thuê bao kèm theo 0349444109; Thu giữ của N 01 điện thoại di động hiệu OPPO A33FW màu đen, có số thuê bao 0373414133.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKSQS ngày 02/05/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện QS, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Vi Thị D về tội “*Chứa mại dâm*” quy định tại Khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QS giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng: Khoản 1, khoản 5 điều 327 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt Vi Thị D từ 18 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 36 tháng đến 48 tháng, phạt tiền bổ sung từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ; Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng); trả lại cho Vi Thị D 01 điện thoại hiệu OPPO A37E, số IMEI : 86618103404756, kèm theo sim điện thoại có số thuê bao 0367926173 của Vi Thị D.

Người bào chữa cho các bị cáo đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “*Chứa mại dâm*” theo quy định tại khoản 1, Điều 327 Bộ luật hình sự. Người bào chữa đề nghị cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị và đề nghị áp dụng thêm tình tiết phạm tội do lạc hậu theo điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị Tòa án xem xét khi quyết định hình phạt, đề nghị xử phạt bị cáo mức án vừa đảm bảo tính răn đe và nghiêm minh của pháp luật vừa đảm bảo chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự Việt Nam, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa sai lầm để trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, không phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo, vì bị cáo công ăn việc làm không ổn định, không con cái, chỉ sống chung như vợ chồng với ông Lữ Văn D1, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án nhẹ nhất tại khung hình phạt tại khoản 1 điều 327 BLHS và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố, không tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác; Khi nói lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được hưởng án treo.

Ý kiến ông Lữ Văn D1: Ông sống chung như vợ chồng (Không đăng ký kết hôn) với bị cáo D, việc kinh doanh của gia đình đều do Vi Thị D trông coi quản lý vì ông D1 tuổi cao sức yếu. Vi Thị D cho Trần Văn T và Lương Thị H mua bán dâm với nhau tại phòng nghỉ, ông D1 không biết.

Trần Văn T và Lương Thị H có hành vi mua bán dâm với nhau các lời khai đều thừa nhận hành vi như cáo trạng của Viện kiểm sát huyện Quan Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi, căn cứ buộc tội bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Vi Thị D đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi, vi phạm của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến, phù hợp với vật chứng thu giữ được, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ 15 phút ngày 14/01/2019 bị cáo đã có hành vi chứa mại dâm, cho Lương Thị H và Trần Văn T mua bán dâm tại phòng nghỉ nơi bị cáo đang trông coi, quản lý; Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “*Chứa mại dâm*” được quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng hành vi của bị cáo: Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mại dâm là một tệ nạn xã hội, là một trong những nguyên nhân lây truyền bệnh HIV-AIDS và các bệnh truyền nhiễm khác; xâm phạm an toàn công cộng, thuần phong mỹ tục của người Việt Nam, ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm giáo dục riêng, đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung, việc lên mức hình phạt tù đối với bị cáo là cần thiết.

[4]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải được quy định tại

điểm s khoản 1 điều 51 BLHS; bị cáo nhận thức pháp luật còn hạn chế, bố đẻ của bị cáo là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huy chương Kháng chiến hạng nhất trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước đây được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần giao cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục và ấn định thời gian thử thách cũng đủ khả năng cải tạo các bị cáo. Hình phạt này vừa đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe, trừng trị, vừa thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và chính sách nhân đạo của Nhà nước. Cần áp dụng điều 65 BLHS để cho bị cáo được hưởng án treo.

Đối với đề nghị áp dụng thêm tình tiết phạm tội do lạc hậu theo điểm m khoản 1 Điều 51 và tình tiết phạm tội do hoàn cảnh kinh tế khó khăn theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 của người bào chữa cho bị cáo; Thấy rằng các bị cáo sống tại nơi có điều kiện kinh tế chưa đến mức khó khăn, vẫn thường xuyên được các phương tiện truyền thông, chính quyền địa phương tuyên truyền pháp luật về phòng chống mại dâm, bản thân bị cáo có hiểu biết, biết đọc biết viết thông thạo; nên Hội đồng xét xử không chấp nhận tình tiết phạm tội do lạc hậu và phạm tội do hoàn cảnh khó khăn như đề nghị của Người bào chữa cho bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 327 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền...*” bị cáo phạm tội vì vụ lợi, có sức khỏe, đang ở độ tuổi lao động, có thu nhập, cần áp dụng khoản 5 điều 327 Bộ luật hình sự để phạt tiền bổ sung bị cáo, mức phạt tiền 10.000.000đ là phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của bị cáo.

[6]. Trong vụ án Trần Văn T và Lương Thị H có hành vi mua bán dâm với nhau nhưng pháp luật không quy định việc mua bán dâm là tội phạm do đó không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T và H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QS đã chuyển văn bản, tài liệu cho Công an huyện QS xử phạt hành chính đối với Trần Văn T và Lương Thị H là phù hợp.

Đối với Lữ Văn D1 có mối quan hệ sống chung như vợ chồng với bị cáo nhưng không đăng ký kết hôn, việc trông coi quản lý nhà nghỉ và quán hát của gia đình đều do Vi Thị D quản lý vì ông D1 tuổi cao sức yếu. Vi Thị D cho Trần Văn T và Lương Thị H mua bán dâm với nhau tại phòng nghỉ, ông D1 không biết nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông D1 là phù hợp

Đối với N và Hà Thị Chánh thuê phòng nghỉ của gia đình Vi Thị D, mục đích thuê phòng là để quan hệ tình dục với nhau do Ngọc và Chánh có tình cảm nam nữ từ trước. Quá trình điều tra không có cơ sở xác định giữa Ngọc và

Chánh có hành vi mua bán dâm với nhau; Không xác định được Vi Thị D thực hiện việc môi giới hay chứa chấp để Ngọc và Chánh quan hệ tình dục, do đó không xem xét xử lý.

[7]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu MASSTEL A235, số IMEI: 359387073597914 màu vàng đồng, số thuê bao 0382940662 thu giữ của Lương Thị H; 01 điện thoại hiệu NoKiA 1280, số IMEI: 356317054607963 màu đen, có số thuê bao kèm theo 0349444109 thu giữ của Hà Thị Chánh; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A33FW, số IMEI: 863008035907558 màu đen, có số thuê bao 0373414133 thu giữ của N, cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện QS đã tiến hành kiểm tra nội dung thông tin, liên lạc giữa các đối tượng qua điện thoại thấy không có nội dung trao đổi liên quan đến tội phạm, do vậy đã trả lại cho chị H, chị Chánh và anh Ngọc là phù hợp.

01 điện thoại hiệu OPPO A37E, số IMEI : 86618103404756, kèm theo sim điện thoại có số thuê bao 0367926173 thu giữ của bị cáo, bị cáo chỉ thừa nhận gọi điện cho các đối tượng đến quán hát, việc bị cáo chứa mại dâm nảy sinh sau khi H và T có ý định quan hệ tình dục nên trả lại cho bị cáo là phù hợp. Riêng số tiền 250.000 đồng(Hai trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền do phạm tội mà có nên sung quỹ nhà nước.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Vi Thị D phạm tội “*Chứa mại dâm*”.

Xử phạt Vi Thị D 24(Hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vi Thị D cho Ủy ban nhân dân xã Trung Hạ, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền Vi Thị D 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) sung quỹ nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 250.000 đồng(Hai trăm năm mươi nghìn đồng) đã thu giữ của Vi Thị D, trả lại 01 điện thoại hiệu OPPO A37E, số IMEI : 86618103404756, kèm theo sim điện thoại có số thuê bao 0367926173 cho Vi Thị D (Đặc điểm số tiền, vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát

điều tra Công an huyện QS và Chi cục Thi hành án dân sự huyện QS ngày 06/5/2019).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 6, Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Vì Thị D phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông D1 có quyền kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông T, chị H có quyền kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quan Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện QS;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Chi cục THADS huyện Quan Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Bá Việt

Lương Văn Nhạn

Hoàng Văn Đạt